PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

PHỤ LỤC I

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LĨNH VỰC THỦY SẢN

I. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NUÔI TÔM CÀNG XANH

1. NUÔI TÔM CÀNG XANH BÁN THÂM CANH TRONG AO - Mã sản phẩm: TS1001

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02 - 04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	02 - 04		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy cải tạo ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	≤10	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.2	Hàm lượng protein ≥ 23%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		

2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

2. NUÔI TÔM CÀNG XANH THÂM CANH TRONG AO - Mã sản phẩm: TS1002

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04 - 08		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Xuống, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	15 - 20	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.5	Hàm lượng protein ≥23%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

3. NUÔI LUÂN CANH TÔM CÀNG XANH - LÚA - Mã sản phẩm: TS1003

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02 - 04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo ruộng/ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	≤10	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Hàm lượng protein ≥23%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

4. NUÔI XEN CANH TÔM CÀNG XANH - LÚA Mã sản phẩm: TS1004

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
4	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy…	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo, vét cải tạo ruộng/ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	≤ 4	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.3	Hàm lượng protein ≥23%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NUÔI TÔM NƯỚC LỢ

1. NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG THÂM CANH - Mã sản phẩm: TS1005

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04 - 05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08 - 16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04 - 05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	100-150	Quy cỡ giống P12 – P15, đồng điều, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định; Tôm giống phải được xét nghiệm PCR	*Bổ sung thêm: Thời gian nuôi và kích cỡ thu hoạch để tính FCR cho phù hợp*
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.3	Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

2. NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG 2 GIAI ĐOẠN - Mã sản phẩm: TS1006

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	02 - 03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04 - 05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08 - 16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04 - 05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống tôm thẻ chân trắng			Quy cỡ giống P12 – P15, đồng điều, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định; Tôm giống phải được xét nghiệm PCR	*Bổ sung thêm: Thời gian nuôi và kích cỡ thu hoạch để tính FCR cho phù hợp*
	Giai đoạn 1	con/m^2	*1.200-1.500*		
	Giai đoạn 2	con/m^2	*200-300*		
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.1	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

3. NUÔI TÔM SÚ THÂM CANH TRONG AO - Mã sản phẩm: TS1007

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công	02	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Cánh quạt
2	Hệ thống sụ khí	Bộ	02 - 04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	32 - 64		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	02 - 04		
5	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				Khi có nhu cầu

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	20-30	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học)..	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

4. NUÔI TÔM SÚ BÁN THÂM CANH TRONG AO - Mã sản phẩm: TS1008

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công	02	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	06	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	*Cánh quạt*
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	16 - 32		
3	Máy cho tôm ăn	Bộ	02 - 04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
5	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
6	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét ao, gia cố ao...				*Khi có nhu cầu*

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	10 - 15	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

5. NUÔI TÔM SÚ QUẢNG CANH CẢI TIẾN - Mã sản phẩm: TS1009

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công	01	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	*Cánh quạt Khi có nhu cầu*
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	08 - 16		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy…	Bộ			
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	04 - 08	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 0.5	Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tiến khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

6. NUÔI TÔM SÚ 2 GIAI ĐOẠN TRONG RỪNG NGẬP MẶN - Mã sản phẩm: TS1010

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công	01	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy thu tôm…	Cái	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m^2	2.000-6.000	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	*15-25 ngày*
	Giai đoạn 2	con/m^2	10-15		
2	Thức ăn			Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
	Giai đoạn 1	FCR	1.5		
	Giai đoạn 2	FCR	≤ 0.5		
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tiển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

7. NUÔI TÔM SÚ, SÒ HUYẾT KẾT HỢP DƯỚI TÁN RỪNG - Mã sản phẩm: TS1011

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm sú giống	Con/m^2	02 - 04	Quy cỡ giống 1,5-2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Sò huyết giống	Con/m^2	80 - 100	Quy cỡ giống 1.000 - 2.000 con/kg, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Diệt tạp	Kg/ha	120	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
4	Diệt khuẩn	Lít/ha	10	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
5	Vôi	Kg/ha	300 - 500	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
6	Phân hữu cơ	Kg/ha	300	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
7	Chế phẩm sinh học	Kg/ha	10	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
8	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
2	Hội nghị tiển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

8. NUÔI TÔM SÚ 2 GIAI ĐOẠN - LÚA - Mã sản phẩm: TS1012

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công	02	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	*Cánh quạt*
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	08 - 16		
5	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy…	Bộ			
6	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố bờ ao/ruộng...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
1	Giống tôm sú			Quy cỡ giống ≥ P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Giai đoạn 1	con/m^2	60 - 70		
	Giai đoạn 2	con/m^2	04 - 07		
2	Giống lúa	Kg/ha	100	Giống lúa chất lượng, có khả năng chống chịu mặn	
3	Thức ăn tôm sú			Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
	Giai đoạn 1	FCR	≤1.5		
	Giai đoạn 2	FCR	≤ 0.5		
4	Phân bón lúa				
5	Phân bón gốc	Kg/ha	700	Có nguồn gốc rõ ràng; Được phép lưu hành tại Việt Nam	
6	Phân bón lá	Kg/ha	1,2		
7	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
8	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tiến khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

9. NUÔI TÔM SÚ LUÂN CANH (1 vụ tôm, 1 vụ lúa) - Mã sản phẩm: TS1013

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công	02	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước				*Không cần*
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thuê máy nạo vét, cải tạo ruộng/ao...				*Khi có nhu cầu*

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	04 - 08	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤1.5	Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tiến khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

10. NUÔI TÔM ĐẤT THÂM CANH TRONG AO - Mã sản phẩm: TS1014

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	05	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04 - 05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08 - 16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04 - 05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	100 - 150	Quy cỡ giống P12 – P15, đồng điều, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định; Tôm giống phải được xét nghiệm PCR	*Bổ sung thêm: Thời gian nuôi và kích cỡ thu hoạch để tính FCR cho phù hợp*
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.3	Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			

4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01	*≤ 30 người/cuộc*	
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

11. NUÔI CUA KẾT HỢP TÔM SÚ (QUẢNG CANH CẢI TIẾN) - Mã sản phẩm: TS1015

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm sú giống	Con/m^2	02 - 04	Quy cỡ giống 1,5 - 2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Cua giống	Con/m^2	0,3-0,5	Quy cỡ giống 0,5 - 0,8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

12. NUÔI CUA KẾT HỢP TÔM SÚ, CÁ ĐỐI MỤC (QUẢNG CANH CẢI TIẾN) - Mã sản phẩm: TS1016

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm sú giống	Con/m^2	02 - 04	Quy cỡ giống 1,5-2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Cua giống	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 0,5-0,8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Cá đối mục	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 5-8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

13. NUÔI CUA KẾT HỢP TÔM SÚ, CÁ NÂU (QUẢNG CANH CẢI TIẾN) - Mã sản phẩm: TS1017

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm sú giống	Con/m^2	02 - 04	Quy cỡ giống 1,5-2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Cua giống	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 0,5-0,8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Cá nâu	Con/m^2	1 - 1,5	Quy cỡ giống 1,5-2 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

14. NUÔI CUA KẾT HỢP TÔM ĐẤT (QUẢNG CANH CẢI TIẾN) - Mã sản phẩm: TS1018

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm sú giống	Con/m^2	10 - 20	Quy cỡ giống 1,5-2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Cua giống	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 0,5-0,8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

15. NUÔI CUA KẾT HỢP TÔM ĐẤT, CÁ ĐỐI MỤC (QUẢNG CANH CẢI TIẾN) - Mã sản phẩm: TS1019

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm đất giống	Con/m^2	10 - 20	Quy cỡ giống 1,5-2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Cua giống	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 0,5-0,8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Cá đối mục	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 5-8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

16. NUÔI CUA KẾT HỢP TÔM ĐẤT, CÁ NÂU (QUẢNG CANH CẢI TIẾN) - Mã sản phẩm: TS1020

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tôm đất giống	Con/m^2	10 - 20	Quy cỡ giống 1,5-2.0 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Cua giống	Con/m^2	0,3 - 0,5	Quy cỡ giống 0,5-0,8 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
3	Cá nâu	Con/m^2	1 - 1,5	Quy cỡ giống 1,5-2 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NUÔI TÔM NƯỚC MẶN

1. NUÔI TÔM HÙM BÔNG TRONG LỒNG - Mã sản phẩm: TS1021

Quy mô: Áp dụng cho 1.000 m^3

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị cho ăn	Bộ/lồng	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm, xịt áp lực	Bộ/mô hình	01		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, vợt, xô, chậu…	Bộ	01		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	08 - 10	Quy cỡ giống 100-120 gam/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 31	Cá tạp/tươi sống	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				

	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

2. NUÔI TÔM HÙM XANH TRONG LỒNG - Mã sản phẩm: TS1022

Quy mô: Áp dụng cho 1.000 m3

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị cho ăn	Bộ/lồng	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm, xịt áp lực	Bộ/mô hình	01		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, vợt, xô, chậu…	Bộ	01		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^3	15 - 16	Quy cỡ giống 50-60 gam/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 31	Cá tạp/tươi sống	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

IV. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NUÔI THỦY HẢI SẢN THÂN MỀM

1. NUÔI ỐC HƯƠNG TRONG LỒNG - Mã sản phẩm: TS1023

Quy mô: Áp dụng cho 1.000 m^3

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị cho ăn	Bộ/lồng	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm, xịt áp lực	Bộ/mô hình	01		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, vợt, xô, chậu…	Bộ	01		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	300	Quy cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 7.0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

2. NUÔI ỐC HƯƠNG TRONG AO/HỒ - Mã sản phẩm: TS1024

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02 - 06		
3	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
2	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy…	Bộ	01 - 02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thuê máy nạo vét, cải tạo ao…				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	100	Quy cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤ 5.0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

3. NUÔI ÓC HƯƠNG TRONG BỂ - Mã sản phẩm: TS1025

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01 -02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04 - 06		
3	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
4	Thiết bị, dụng cụ: xô, chậu, giỏ lưới, vợt…	Bộ	01 - 02		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	300	Quy cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn	FCR	≤7.0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

4. NUÔI VỆM THEO HÌNH THỨC GIÀN CỌC – Mã sản phẩm: TS1026

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Lưới cước	m^2	100		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt…	Bộ	01 - 02		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	400	100 con/dây; 4 cọc/m^2 1 dây/cọc/cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

5. NUÔI VỆM THEO HÌNH THỨC GIÀN BÈ - Mã sản phẩm: TS1027

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm giàn	m^2	2000 - 5000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt…				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	720	300 con/dây;120 dây/50m^2/, cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	Số lượng không quá 20 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

6. NUÔI HÀU THEO HÌNH THỨC GIÀN CỌC - Mã sản phẩm: TS1028

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Lưới cước	m^2	100		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt…	Bộ	01 - 02		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/cọc	10	Chất lượng quy định/cỡ giống ≥ 3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

7. NUÔI HÀU THEO HÌNH THỨC GIÀN BÈ - Mã sản phẩm: TS1029

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm giàn	m^2	2000 - 5000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt…	Bộ	01 - 02		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/giá bám	25	Cỡ giống ≥ 2 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

8. NUÔI HÀU TRONG LỒNG - Mã sản phẩm: TS1030

Quy mô: Áp dụng cho 1.000 m^3

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	06 - 12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới làm lồng	Cái	3.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt…				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/lồng	120	Cỡ giống ≥ 3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

9. NUÔI NGHÊU BÃI TRIỀU - Mã sản phẩm: TS1031

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới và cọc quây quang bãi	m	1.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt…	Bộ	01 - 02		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	150	Cỡ giống ≥ 1 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc	

				rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

10. NUÔI SÒ HUYẾT BÃI TRIỀU - Mã sản phẩm: TS1032

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đ.vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lưới và cọc quây quang bãi	m	1.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt, lồng bẫy…	Bộ	01 - 02		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	200	Cỡ giống ≥ 0,5 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

11. NUÔI SÒ HUYẾT TRONG AO - Mã sản phẩm: TS1033

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Xuồng, xô, chậu, giỏ lưới, vợt, lồng bẫy…	Bộ	01 - 02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê máy nạo vét ao…				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	con/m^2	100	Cỡ giống ≥ 0,5 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

12. NUÔI SÒ HUYẾT KẾT HỢP TÔM THẺ ĐỎ ĐUÔI *(Fenneropenaeus indicus)* (quảng canh cải tiến) - Mã sản phẩm: TS1034

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, máy cày bừa, nạo vét, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Sò huyết giống	Con/m^2	70 - 100	Quy cỡ giống 500-1.000con/kg, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	
2	Tôm thẻ giống	Con/m^2	03 - 05	Quy cỡ giống 1.5 - 1,8cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

13. ƯƠNG - NUÔI SÒ HUYẾT 04 GIAI ĐOẠN - Mã sản phẩm: TS1035

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	02 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, bạt, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Sò huyết giống giai đoạn I	Con/m^2	200.000	Quy cỡ giống 10.000.000-15.000.000con/kg, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	Ao bạt 100 m^2
2	Sò huyết giống giai đoạn II	Con/m^2	100.000	Quy cỡ giống 2.000.000-4.000.000con/kg, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	
3	Sò huyết giống giai đoạn III	Con/m^2	5.000	Quy cỡ giống 30.000-40.000con/kg, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	
4	Sò huyết giống giai đoạn IV (nuôi thương phẩm)	Con/m^2	100	Quy cỡ giống 1.500-2.000con/kg, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	Vuông (ha)
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	02 - 04	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

14. NUÔI ỐC BƯU ĐEN THƯƠNG PHẨM - Mã sản phẩm: TS1036

Quy mô: Áp dụng cho 0,01 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	08	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, bạt, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư (Tính cho 0,01ha)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Óc bưu giống	Con/m^2	150 - 300	Quy cỡ giống 0,4-0,6gram/con, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	Ao bạt 0,01ha
2	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		

15. NUÔI BA KHÍA THƯƠNG PHẨM TRONG AO ĐẤT - Mã sản phẩm: TS1037

Quy mô: Áp dụng cho 0,1 ha

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sử dụng dịch vụ khác: thuê nhân công, bạt, lưới rào,…			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

c) Định mức giống, vật tư (Tính cho 0,1ha)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Ba khía giống	Con/m^2	03 - 05	Quy cỡ giống 0,004-0,005gram/con, giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	Ao bạt 0,01ha
2	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học…	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
3	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường, vợt…)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01 - 02	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị triển khai, tổng kết				
	Hội nghị triển khai	HN/MH	01		
	Hội nghị tổng kết	HN	01		